

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

KINH TẾ VI MÔ

1. Thông tin chung

- Số đơn vị học trình/ tín chỉ: 4 đvht (60 tiết)
- Các môn học tiên quyết: Không
- Các môn học kế tiếp: Các môn chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán, Tài chính ngân hàng... (các ngành đào tạo có mã ngành 400...)
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Sinh viên phải tìm hiểu tài liệu liên quan đến môn học trước khi lên lớp.
- Thời gian phân bổ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết

2. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học có kiến thức và kỹ năng sau:

- Có kỹ năng lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản: Sản xuất cái gì, sản xuất cho ai, ...
- Xác định được xu hướng vận động của các hoạt động kinh tế vi mô trên thị trường cũng như những hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ.
- Hiểu được luật cung, luật cầu, quy luật cạnh tranh..., hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ
- Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Kinh tế học vi mô trang bị kiến thức khoa học cho học sinh kinh tế về: lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản; xu hướng vận động của các hoạt động kinh tế vi mô trên thị trường; những hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ. Kinh tế học vi mô nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng, lựa chọn sản xuất tối ưu của các doanh nghiệp. Nghiên cứu về quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... , hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ.

4. Học liệu:

- Bộ Giáo dục đào tạo, *Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, 1997.
- Nguyễn Ái Đoàn, *Kinh tế học đại cương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2003.

5. Nội dung và hình thức dạy học:

| NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục) | Hình thức dạy - học | | | | | | Tổng (tiết) |
|---|---------------------|---------|-----------|---------|--------------|----------|-------------|
| | Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | HD nhóm | Tự học tự NC | Kiểm tra | |
| CHƯƠNG 1. KINH TẾ HỌC VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP | 4 | | 1 | | (10) | | 5 |
| 1.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô | 1 | | | | (2) | | 1 |
| 1.1.1. Kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế học vĩ mô | | | | | | | |
| 1.1.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của kinh tế học vi mô | | | | | | | |
| 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô | | | | | | | |
| 1.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất | 1 | | | | (2) | | 2 |
| 1.2.1. Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPP) | | | | | | | |
| 1.2.2. Quy luật lợi suất giảm dần | | | | | | | |
| 1.3. DN và những vấn đề kinh tế cơ bản của DN | 1 | | | | (4) | | 2 |
| 1.3.1. DN và chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp | | | | | | | |
| 1.3.2. Những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp | | | | | | | |
| 1.4. Ảnh hưởng của các mô hình kinh tế đến việc lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp | 1 | | 1 | | (2) | | 2 |
| 1.4.1. Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung | | | | | | | |
| 1.4.2. Mô hình kinh tế thị trường | | | | | | | |
| 1.4.3. Mô hình kinh tế hỗn hợp | | | | | | | |
| CHƯƠNG 2. CUNG CẦU | 3,5 | 3 | 1 | | (15) | | 7,5 |
| 2.1. Cầu | 1 | 1 | | | (4) | | 2 |
| 2.1.1. Các khái niệm cơ bản | | | | | | | |
| 2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu | | | | | | | |
| 2.1.3. Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của đường cầu | | | | | | | |
| 2.2. Cung | 1 | 1 | | | (4) | | 2 |
| 2.2.1. Các khái niệm cơ bản | | | | | | | |
| 2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung | | | | | | | |
| 2.2.3. Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của đường cung | | | | | | | |
| 3.1. Mối quan hệ cung cầu trên thị trường | 1 | 1 | 1 | | (4) | | 3 |

| | | | | | | | |
|--|-----|-----|-----|------|------|---|------|
| 3.1.1. Cân bằng cung cầu trên thị trường | | | | | | | |
| 3.1.2. Sự dư thừa và thiếu hụt trên thị trường | | | | | | | |
| 3.1.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường | | | | | | | |
| 3.1.4. Kiểm soát giá | | | | | | | |
| 4.1. Các phương pháp ước lượng cầu | 0,5 | | | | (3) | | 0.5 |
| 4.1.1. Điều tra, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng | | | | | | | |
| 4.1.2. Phương pháp thử nghiệm | | | | | | | |
| 4.1.3. Phương pháp thí nghiệm trên thị trường | | | | | | | |
| 4.1.4. Phương pháp phân tích hội quy | | | | | | | |
| CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT NGƯỜI TIÊU DÙNG | 4 | 1 | 1.5 | | (15) | 1 | 7.5 |
| 3.1. Sự co giãn của cầu | 1 | 1 | | | (6) | | 2 |
| 3.1.1. Co giãn của cầu theo giá (E^D_p) | | | | | | | |
| 3.1.2. Co giãn của cầu theo thu nhập (E^D_I) | | | | | | | |
| 3.1.3. Co giãn chéo của cầu (E^D_{XY}) | | | | | | | |
| 3.1.4. Độ co giãn của cung (E^S_p) | | | | | | | |
| 3.2. Lý thuyết về lợi ích | 1 | | 1 | | (5) | | 2 |
| 3.2.1. Khái niệm – công thức xác định | | | | | | | |
| 3.2.2. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần | | | | | | | |
| 3.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | 2 | | 0,5 | | (4) | 1 | 3.5 |
| 3.3.1. Lựa chọn hàng hoá tối ưu | | | | | | | |
| 3.3.2. Giải thích bằng đường NS và đường bàng quan | | | | | | | |
| CHƯƠNG 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP | 5 | 1,5 | 1,5 | 1,75 | (14) | | 9,75 |
| 4.1. Lý thuyết về sản xuất | 1 | | 1 | | (3) | | 2 |
| 4.1.1. Hàm sản xuất | | | | | | | |
| 4.1.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi | | | | | | | |
| 4.1.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi | | | | | | | |
| 4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất | 2 | 0,5 | 0,5 | | (3) | | 3 |
| 4.2.1. Khái niệm | | | | | | | |
| 4.2.2. Chi phí ngắn hạn (K_{const}) | | | | | | | |
| 4.2.3. Chi phí dài hạn | | | | | | | |
| 4.3. Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định CC | 2 | 1 | | 1,75 | (8) | | 4,75 |
| 4.3.1. Khái niệm – công thức | | | | | | | |
| 4.3.2. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận | | | | | | | |
| CHƯƠNG 5. CẠNH TRANH - ĐỘC QUYỀN | 6 | 2 | 2 | | (12) | | 10 |
| 5.1. Các loại thị trường | 1 | | 1 | | (2) | | 2 |
| 5.1.1. Khái niệm | | | | | | | |
| 5.1.2. Phân loại | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|--|-----|---|-----|---|------|---|---|
| 5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo | 2 | 1 | | | (3) | | 3 |
| 5.2.1. Khái niệm - đặc điểm | | | | | | | |
| 5.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp CTHH | | | | | | | |
| 5.2.3. Phân tích trong ngắn hạn | | | | | | | |
| 5.2.4. Phân tích trong dài hạn | | | | | | | |
| 5.3. Độc quyền thuần túy | 1 | 1 | | | (3) | | 2 |
| 5.3.1. Khái niệm - đặc điểm | | | | | | | |
| 5.3.2. Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy | | | | | | | |
| 5.3.3. Xác định sản lượng tối ưu | | | | | | | |
| 5.3.4. Kiểm soát độc quyền | | | | | | | |
| 5.3.5. Công cụ kiểm soát | | | | | | | |
| 5.4. Thị trường độc quyền nhóm | 1 | | 1 | | (2) | | 2 |
| 5.4.1. Khái niệm - đặc điểm | | | | | | | |
| 5.4.2. Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy | | | | | | | |
| 5.4.3. Phương pháp xử thế về giá | | | | | | | |
| 5.5. Thị trường cạnh tranh độc quyền | 1 | | | | (2) | | 1 |
| 5.5.1. Khái niệm - đặc điểm | | | | | | | |
| 5.5.2. Đặc điểm của DN cạnh tranh độc quyền | | | | | | | |
| 5.5.3. Xác định sản lượng tối ưu | | | | | | | |
| CHƯƠNG 6. THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SX | 4 | | 2 | 2 | (12) | | 8 |
| 6.1. Những vấn đề chung | 1 | | | | (3) | | 1 |
| 6.1.1. Giá cả và thu nhập từ các yếu tố sản xuất | | | | | | | |
| 6.1.2. Cầu đối với các yếu tố sản xuất | | | | | | | |
| 6.2. Thị trường lao động | 2 | | 1 | | (3) | | 3 |
| 6.2.1. Cầu đối với lao động. | | | | | | | |
| 6.2.2. Cung ứng về lao động | | | | | | | |
| 6.2.3. Cân bằng trên thị trường lao động | | | | | | | |
| 6.2.4. Tiên công tối thiểu | | | | | | | |
| 6.3. Cung cầu về vốn | 0,5 | | 0,5 | 1 | (3) | | 2 |
| 6.3.1. Tiên thuê, lãi suất và giá cả của tài sản | | | | | | | |
| 6.3.2. Cầu về vốn | | | | | | | |
| 6.3.3. Cung về vốn | | | | | | | |
| 6.3.4. Cân bằng trên thị trường vốn | | | | | | | |
| 6.4. Đất đai và tiền thuê đất | 0,5 | | 0,5 | 1 | (3) | | 2 |
| 6.4.1. Cung về đất | | | | | | | |
| 6.4.2. Tiền thuê đất | | | | | | | |
| CHƯƠNG 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | 2 | | 1 | 1 | (12) | 1 | 5 |
| 7.1. Trục trặc của nền kinh tế Thị trường | 1 | | 1 | 1 | (6) | | 3 |
| 7.1.1. Tình trạng CTKHH, ĐQ và sức mạnh | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|--|--|--|-----|---|----|
| TT | | | | | | | |
| 7.1.2. Ảnh hưởng của các ngoại ứng | | | | | | | |
| 7.1.3. Cung cấp các sản phẩm công cộng | | | | | | | |
| 7.1.4. Đảm bảo công bằng xã hội | | | | | | | |
| 7.1.5. Khả năng đảm bảo của các loại thị trường | | | | | | | |
| 7.2. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế | 1 | | | | (6) | 1 | 2 |
| 7.2.1. Chức năng chủ yếu của Chính phủ | | | | | | | |
| 7.2.2. Các công cụ chủ yếu của Chính phủ tác động vào nền kinh tế | | | | | | | |
| 7.2.3. Các phương pháp điều tiết của Chính phủ | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | 60 |

6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể:

| Tuần | Nội dung | Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học | Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học) | Ghi chú |
|------|------------------|--|--|---------|
| | CHƯƠNG 1. | | KINH TẾ HỌC VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CƠ BẢN CỦA DN | |
| | 1.1. | Giảng LT: 5 tiết Thảo luận: 1 tiết | | |
| | 1.1.1. | | Kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế học vĩ mô | |
| | 1.1.2. | | Đối tượng và nội dung nghiên cứu của kinh tế học vi mô | |
| | 1.1.3. | | PP nghiên cứu kinh tế học vi mô | |
| | 1.2. | | | |
| | 1.2.1. | | Đường giới hạn khả năng SX (PPP) | |
| | 1.2.2. | | Quy luật lợi suất giảm dần | |
| | 1.3. | | | |
| | 1.3.1. | | DN và chu kỳ kinh doanh | |
| | 1.3.2. | | Những vấn đề kinh tế cơ bản của DN | |
| | 1.4. | | Ảnh hưởng của các mô hình kinh tế đến việc lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp | |
| | 1.4.1. | | Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung | |
| | 1.4.2. | | Mô hình kinh tế thị trường | |
| | 1.4.3. | | Mô hình kinh tế hỗn hợp | |
| | CHƯƠNG 2. | | | 3 |
| | 2.1. | Giảng LT: 2 tiết Bài tập: 3 tiết Thảo luận: 1 tiết | Cầu | |
| | 2.1.1. | | Các khái niệm cơ bản | |
| | 2.1.2. | | Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu | |
| | 2.1.3. | | Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của đường cầu | |
| | 2.2. | | Cung | |
| | 2.2.1. | | Các khái niệm cơ bản | |
| | 2.2.2. | | Các nhân tố ảnh hưởng đến cung | |

| | | | |
|------------------|--|---|--|
| 2.2.3. | | Sự vdộng và dịch chuyển của đường cung | |
| 2.3. | | Mối quan hệ cung cầu trên thị trường | |
| 2.3.1. | | Cân bằng cung cầu trên thị trường | |
| 2.3.2. | | Sự dư thừa và thiếu hụt trên thị trường | |
| 2.3.3. | | Sự thay đổi trạng thái cân bằng trên TT | |
| 2.3.4. | | Kiểm soát giá | |
| 2.4. | | Các phương pháp ước lượng cầu | |
| 2.4.1. | | Điều tra, NC hành vi người tiêu dùng | |
| 2.4.2. | | Phương pháp thử nghiệm | |
| 2.4.3. | | Phương pháp thí nghiệm trên thị trường | |
| 2.4.4. | | Phương pháp phân tích hội quy | |
| CHƯƠNG 3. | | LÝ THUYẾT NGƯỜI TIÊU DÙNG | |
| 3.1. | | Sự co giãn của cầu | |
| 3.1.1. | | Co giãn của cầu theo giá (E^D_p) | |
| 3.1.2. | | Co giãn của cầu theo thu nhập (E^D_I) | |
| 3.1.3. | | Co giãn chéo của cầu (E^D_{XY}) | |
| 3.1.4. | | Độ co giãn của cung (E^S_p) | |
| 3.2. | Giảng LT:4 tiết Bài tập: 1 tiết Thảo luận: 1.5 tiết Kiểm tra: 1 tiết | Lý thuyết về lợi ích | |
| 3.2.1. | | Khái niệm - công thức xác định | |
| 3.2.2. | | Quy luật lợi ích cận biên giảm dần | |
| 3.3. | | Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | |
| 3.3.1. | | Lựa chọn hàng hoá tối ưu | |
| 3.3.2. | | Giải thích bằng đường NS và bàng quan | |
| CHƯƠNG 4. | Giảng LT:5 tiết Bài tập: 1.5 tiết Thảo luận: 1.5 tiết HD nhóm: 1.75 Kiểm tra: 1 tiết | LT VỀ HÀNH VI CỦA DN | |
| 4.1. | | Lý thuyết về sản xuất | |
| 4.1.1. | | Hàm sản xuất | |
| 4.1.2. | | Sản xuất với một đầu vào biến đổi | |
| 4.1.3. | | Sản xuất với hai đầu vào biến đổi | |
| 4.2. | | Lý thuyết về chi phí sản xuất | |
| 4.2.1. | | Khái niệm | |
| 4.2.2. | | Chi phí ngắn hạn (K const) | |
| 4.2.3. | | Chi phí dài hạn | |
| 4.3. | | Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định CC | |
| 4.3.1. | | Khái niệm – công thức | |
| 4.3.2. | | Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận | |
| CHƯƠNG 5. | | CẠNH TRANH - ĐỘC QUYỀN | |
| 5.1. | | Các loại thị trường | |
| 5.1.1. | Giảng LT:6 tiết Thảo luận: 2 tiết HD nhóm: 2 | Khái niệm | |
| 5.1.2. | | Phân loại | |
| 5.2. | | Thị trường cạnh tranh hoàn hảo | |
| 5.2.1. | | Khái niệm - đặc điểm | |
| 5.2.2. | | Đặc điểm của doanh nghiệp CTHH | |

| | | | |
|------------------|---|--|--|
| 5.2.3. | | Phân tích trong ngắn hạn | |
| 5.2.4. | | Phân tích trong dài hạn | |
| 5.3. | | Độc quyền thuần túy | |
| 5.3.1. | | Khái niệm - đặc điểm | |
| 5.3.2. | | Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy | |
| 5.3.3. | | Xác định sản lượng tối ưu | |
| 5.3.4. | | Kiểm soát độc quyền | |
| 5.3.5. | | Công cụ kiểm soát | |
| 5.4. | | Thị trường độc quyền nhóm | |
| 5.4.1. | | Khái niệm - đặc điểm | |
| 5.4.2. | | Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy | |
| 5.4.3. | | Phương pháp xử thế về giá | |
| 5.4. | | Thị trường cạnh tranh độc quyền | |
| 5.4.1. | | Khái niệm - đặc điểm | |
| 5.4.2. | | Đặc điểm của DN cạnh tranh độc quyền | |
| 5.4.3. | | Xác định sản lượng tối ưu | |
| CHƯƠNG 6. | | THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SX | |
| 6.1. | | Những vấn đề chung | |
| 6.1.1. | | Giá cả và thu nhập từ các yếu tố sản xuất | |
| 6.1.2. | | Câu đối với các yếu tố sản xuất | |
| 6.2. | | Thị trường lao động | |
| 6.2.1. | | Câu đối với lao động. | |
| 6.2.2. | Giảng LT:4 tiết Thảo luận: 2 tiết HD nhóm: 2 | Cung ứng về lao động | |
| 6.2.3. | | Cân bằng trên thị trường lao động | |
| 6.2.4. | | Tiền công tối thiểu | |
| 6.3. | | Cung cầu về vốn | |
| 6.3.1. | | Tiền thuê, lãi suất và giá cả của tài sản | |
| 6.3.2. | | Cầu về vốn | |
| 6.3.3. | | Cung về vốn | |
| 6.3.4. | | Cân bằng trên thị trường vốn | |
| 6.4. | | Đất đai và tiền thuê đất | |
| 6.4.1. | | Cung về đất | |
| 6.4.2. | | Tiền thuê đất | |
| CHƯƠNG 7. | | VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | |
| 7.1. | | Trục trặc của nền kinh tế Thị trường | |
| 7.1.1. | | Tình trạng CTKHH, ĐQ và sức mạnh TT | |
| 7.1.2. | | Ảnh hưởng của các ngoại ứng | |
| 7.1.3. | Giảng LT:6 tiết Thảo luận: 2 tiết HD nhóm: 2 tiết Kiểm tra: 1 tiết | Cung cấp các sản phẩm công cộng | |
| 7.1.4. | | Đảm bảo công bằng xã hội | |
| 7.1.5. | | Khả năng đảm bảo của các loại thị trường | |
| 7.2. | | Vai trò của chính phủ trong nền ktế TT | |
| 7.2.1. | | Chức năng chủ yếu của Chính phủ | |
| 7.2.2. | | Các công cụ chủ yếu của Chính phủ tác động vào nền ktế | |

| | | | | |
|--|--------|--|---|--|
| | 7.2.3. | | Các phương pháp điều tiết của Chính phủ | |
|--|--------|--|---|--|

7. Tiêu chí đánh giá nhiệm vụ giảng viên giao cho sinh viên:

- Sinh viên phải dự học tối thiểu 70% thời lượng học trên lớp của môn học mới được đánh giá điểm quá trình và tham dự thi hết môn.
- Thông qua các tài liệu được liệt kê ra ở phần “4. Học liệu”, sinh viên phải tìm hiểu bài trước khi lên lớp theo các “Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” trong phần “6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể”.
- Sinh viên dự lớp phải tham gia thảo luận và xây dựng bài trên lớp với nội dung, chất lượng tốt .

8. Hình thức kiểm tra, đánh giá môn học:

- Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy.

9. Các loại điểm kiểm tra và trọng số của từng loại điểm:

- Điểm đánh giá môn học bao gồm 2 phần:
 - + Điểm quá trình: Chiếm 30% trong tổng điểm đánh giá hết môn, trong đó bao gồm: Sinh viên đi học chuyên cần; Sinh viên chịu khó sưu tầm tài liệu để tìm hiểu các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” với chất lượng tốt; Sinh viên tích cực tham gia thảo luận xây dựng bài.
 - + Điểm thi cuối kỳ: Chiếm 70% trong tổng điểm đánh giá hết môn, hình thức thi “trắc nghiệm trên máy”.

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy, ...): Nhà trường trang bị hệ thống phòng học có máy chiếu và máy tính cố định để phục vụ cho các tiết thảo luận và giảng dạy (tối thiểu 1/2 số tiết của môn học được sử dụng máy chiếu)
- Yêu cầu đối với sinh viên (sự tham gia học tập trên lớp, quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà, ...): Sinh viên phải tìm hiểu trước các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” để phục vụ cho việc giảng dạy và thảo luận.

Hải Phòng, tháng 6 năm 2010

CHỦ NHIỆM KHOA

NGƯỜI VIẾT ĐỀ CƯƠNG

Ths.Hòa Thị Thanh Hương

Ths.Nguyễn Thị Diệp